

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 10 - 3- 2025  
V/v ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

|                                       |                                            |
|---------------------------------------|--------------------------------------------|
| <i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i> | Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên                     |
| <i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>         | Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình<br>Ông Hà Bửu Khánh |

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về L hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp ĐH, xã ĐT, Huyện TL, TP CT

***- Bị đơn:*** Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TL, xã TL, Huyện Gr, tỉnh KG

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Chúc L nguyên đơn trình bày:*** Chị L và anh Lê Ngọc H tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2010, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh H hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng đã cho nhau

nhiều cơ hội để khắc phục hàn găng nhưng không có kết quả mà dẫn đến vợ chồng đã sống L thân gần một năm nay. Nay chị xét thấy giữa chị và anh H không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được L hôn với anh Lê Ngọc H.

Về con chung: Chị và anh H có với nhau 02 người con chung gồm Lê Nhật H, sinh ngày 13/6/2011; Lê Gia H1, sinh ngày 20/7/2017, hiện đang sống cùng chị L. Nay chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H pH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Lê Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản, ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.***

Tòa án đã triệu tập anh H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Lê Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2010, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không tiến hành đăng ký nên xác định hôn nhân của chị L, anh H là hôn nhân không hợp pháp. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Chúc L với anh Lê Ngọc H.

Về con chung: Chị L và anh H có với nhau 02 người con chung gồm Lê Nhật H, sinh ngày 13/6/2011; Lê Gia H1, sinh ngày 20/7/2017, hiện đang sống cùng chị L. Trong suốt quá trình tố tụng anh H vắng mặt không nêu ra ý kiến hay yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không pH cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp TL, xã TL, Hện Gr, tỉnh KGNên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Hện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Chúc L với anh Lê Ngọc H tự tiến tới hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2010, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không được công nhận chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Lê Ngọc H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị L, anh H có với nhau Lê Nhật H, sinh ngày 13/6/2011; Lê Gia H1, sinh ngày 20/7/2017, hiện đang sống cùng chị, sau khi vợ chồng sống L thân các con sống cùng với chị L. Theo quy định của luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau L hôn là nếu sau khi L hôn vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con thì do Tòa án quyết định, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trong suốt quá trình tố tụng anh H vắng mặt không có ý kiến về việc chị L không đảm bảo điều kiện nuôi con cũng như không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Xét thấy chị L cho rằng các con đang sống cùng chị nên để đảm bảo

điều phát triển cho các con và giữ sự ổn định nghị nên tiếp tục giao hai con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định và nguyện vọng của các con. Về cấp dưỡng anh H không pH cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Cháu H, cháu H1 có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ L hôn.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị Chúc L pH chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 14; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Lê Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Nhật H, sinh ngày 13/6/2011; Lê Gia H1, sinh ngày 20/7/2017, cho chị Nguyễn Thị Chúc L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không pH cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Cháu H, cháu H1 có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ L hôn.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Chúc L pH chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai

thu số 0008824 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Chúc L, anh Lê Ngọc H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p<sup>H</sup> thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Hện Giồng Riềng;
- CCTHADS Hện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Nhiên**

**Nguyễn Thị Mỹ Nhiên**